TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày 10/3/2023
"V/v Yêu cầu phân chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.
2. Bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă – Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 425/2022/TLST-DS ngày 07/10/2022, về việc "Yêu cầu phân chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS ngày 30/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-DS ngày 16/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Khôi M.
Địa chỉ: 118 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Đại diện theo ủy quyền: Chị Phạm Thị Bích C.
Địa chỉ: 32 Mai Hắc Đ, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
Bị đơn: Bà Hồ Thị C.
Địa chỉ: 118 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Lữ Ngọc L.
Địa chỉ: 118 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
2. Bà Trịnh Hồng C.
Địa chỉ: K3/84, khu phố 3, phường B, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.
3. Bà Trịnh Hồng L.
Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
4. Ông Trịnh Cường S.
Địa chỉ: 118 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà Trịnh Lai H.
Địa chỉ: 118 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
6. Ông Trịnh Cường T.
Địa chỉ: K4/274, khu phố 2, phường B thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.
7. Bà Trịnh Tuyết V.
Địa chỉ: 118 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện thao ủy quyền: Anh Phạm Văn V.
Địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
8. Anh Trịnh Quốc T, sinh năm 2003.
Địa chỉ: 118 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
9. Chị Trịnh Vương L, sinh năm 2008; vắng mặt.
Người đại diện: Bà Hồ Thị C là mẹ ruột.
Cùng địa chỉ: 118 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phạm Thị Bích C trình bày:

Bà Trịnh Khôi M có bố là cụ Trịnh Mộc K, mẹ là cụ Lữ Ngọc L, bố mẹ sinh được 08 người con gồm Trịnh Khôn M, Trịnh Hồng C, Trịnh Hồng L, Trịnh Cường S, Trịnh Lai H, Trịnh Cường T, Trịnh Cường H (đã chết có vợ là Hồ Thị C, có 02 con là Trịnh Quốc T và Trịnh Vương L), Trịnh Tuyết V. Trong quá trình sống chung cụ Trịnh Mộc K và cụ Lữ Ngọc L tạo lập được nhà đất tại số 118 N, phường T, thành phố B thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, diện tích 168,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 549532 do UBND thành phố B cấp ngày 01/10/2007, cho hộ Lữ Ngọc L. Năm 1988, cụ Trịnh Mộc K chết và năm 2013, anh Trịnh Cường H chết đều không để lại di chúc. Do cụ L đã lớn tuổi nên cụ L và các anh chị em trong gia đình bà M thống nhất sẽ bán nhà đất trên để lo cho cụ L những ngày về già và chia sẻ với con cháu một phần khó khăn. Tuy nhiên, bà Hồ Thị C là vợ của anh Trịnh Cường H không đồng ý ký giấy tờ để gia đình bà M chuyển nhượng căn nhà nêu trên.

Nhận thấy, căn nhà, đất nêu trên được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân do bố mẹ là cụ Trịnh Mộc K và cụ Lữ Ngọc L nhận chuyển nhượng là tài sản chung của cụ K và cụ L, cụ K đã chết nên một nửa căn nhà, đất nêu trên là của cụ L, một nửa còn lại của căn nhà là di sản thừa kế của cụ K để lại. Tuy nhiên, các anh chị em trong gia đình bà M vẫn chưa tiến hành lập thủ tục phân chia di sản thừa kế nên phần di sản cụ K để lại là một nửa nhà, đất thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, tại phường T, TP. B được xác định là tài sản chung của cụ L và các anh chị em bà M.

Vì vậy, nay nguyên đơn bà Trịnh Khôi M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là di sản mà cụ Trịnh Mộc K để lại là ½ nhà, đất tại số 118 N, phường T, TP. B thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08 tại phường T, TP. B theo quy định pháp luật, ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn bà Hồ Thị C trình bày:

Bà Hồ Thị C là vợ ông Trịnh Cường H, ông H chết 2013, giữa bà C và ông H có 02 con chung là Trịnh Quốc T và Trịnh Vương L. Ông H là con ruột cụ Trịnh Mộc K và cụ Lữ Ngọc L, cụ K chết trước khi bà C lấy ông H và vào khoảng năm 2006 bà C mới cùng ông H về sinh sống tại số nhà 118 N, phường T cho đến nay, khi sinh sống thì nhà, đất đã có sẵn, không tạo dựng, tu bổ gì thêm. Nhà, đất số 118 N, phường T là của cụ K và cụ L tạo dựng lên, hiện bà C cùng 02 con đang sinh sống tại đây cùng cụ L. Nay nguyên đơn bà M khởi kiện chia tài sản chung là ½ nhà, đất số 118 N là di sản của cụ K để lại thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

Quá trình làm việc tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Quốc T trình bày:

Anh T, chị L là con bà C và ông H là cháu nội cụ K, cụ L nay nguyên đơn bà M khởi kiện, tranh chấp nhà, đất tại số 118 N, thành phố B, thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn V trình bày:

Cụ Trịnh Mộc K và cụ Lữ Ngọc L là vợ chồng. Quá trình chung sống cụ K và cụ L sinh được 08 người con gồm: Trịnh Khôi M, Trịnh Hồng C, Trịnh Hồng L, Trịnh Cường S, Trịnh Lai H, Trịnh Cường T, Trịnh Cường H (đã chết), Trịnh Tuyết V và tạo lập được nhà, đất tại số 118 N, phường T, thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/2007 mang tên Hộ Lữ Ngọc L. Năm 1988, cụ Trịnh Mộc K chết, năm 2013, ông Trịnh Cường H chết đều không để lại di chúc.

Nhà, đất tại số 118 N, phường T, thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, là tài sản chung của cụ K và chị L, nay những người được hưởng tài sản chung không thống nhất chia được. Nay với tư cách là đại diện theo ủy quyền của cụ Lữ Ngọc L, bà Trịnh Hồng C, bà Trịnh Hồng L, ông Trịnh Cường S, bà Trịnh Lai H, ông Trịnh Cường T, bà Trịnh Tuyết V đồng ý theo nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Khôi M. Kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B phân chia tài sản chung là di sản mà cụ Trịnh Mộc K để lại là ½ nhà, đất số 118 N, phường T, TP. B thuộc quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, theo quy định của pháp luật. Cụ Lữ Ngọc L có nguyện vọng nhận nhà, đất và trả lại cho những người được hưởng tài sản chung giá trị bằng tiền. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

Căn cứ vào Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 660 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Xác định ½ nhà, đất tại số 118 N là di sản do cụ K để lại, giao tài sản này cho cụ L, quản lý, sử dụng cụ L có trách nhiệm trả lại giá trị bằng tiền cho những người được hưởng theo quy định của pháp luật.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng chị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng có bà C là người đại diện theo pháp luật có mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án: Cụ Trịnh Mộc K và cụ Lữ Ngọc L là vợ chồng, có 08 người con gồm Trịnh Khôi M, Trịnh Hồng C, Trịnh Hồng L, Trịnh Cường S, Trịnh Lai H, Trịnh Cường T, Trịnh Cường H (đã chết có vợ là Hồ Thị C, có 02 con là Trịnh Quốc T và Trịnh Vương L), Trịnh Tuyết V. Trong quá trình sống chung cụ Trịnh Mộc K và cụ Lữ Ngọc L tạo lập được nhà đất tại số 118 N, phường T, TP. B thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, diện tích 168,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 549532 do UBND thành phố B cấp ngày 01/10/2007, cho hộ Lữ Ngọc L. Năm 1988, cụ Trịnh Mộc K chết và năm 2013 anh Trịnh Cường H chết đều không để lại di chúc. Do cụ L đã lớn tuổi nên cụ L và các anh chị em trong gia đình muốn bán nhà đất trên để lo cho cụ L những ngày về già và chia sẻ với con cháu một phần khó khăn. Tuy nhiên, các bên không thống nhất, có tranh chấp nên nguyên đơn bà Trịnh Khôi M khởi kiên ra Tòa án đề nghị chia tài sản chung là di sản của cụ K để lại cho những người được hưởng theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu phân chia tài sản chung của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy: Cụ Trịnh Mộc K và cụ Lữ Ngọc L là vợ chồng, khi còn sống có tạo lập được khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, diện tích 168,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 549532 do UBND thành phố B cấp ngày 01/10/2007, cho hộ Lữ Ngọc L.

Xét thấy Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, diện tích 168,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 549532 do UBND thành phố B cấp ngày 01/10/2007, cho hộ Lữ Ngọc L, có nguồn gốc do cụ K nhận chuyển nhượng từ năm 1982. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có, căn cứ nguồn gốc và sự thừa nhận của các đương sự thì tài sản này là của cụ K và cụ L, không phải là tài sản chung của các thành viên trong hộ gia đình, các thành viên trong hộ gia đình cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh công sức đóng góp hình thành nên khối tài sản này.

Di sản của cụ K để lại là ½ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, diện tích 168,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 549532 do UBND thành phố B cấp ngày 01/10/2007.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc số 62, tờ bản đồ số 08, diện tích 168,5m^2 có trị giá 2.716.000.000 đồng/2 = 1.358.000.000 đồng.

Cụ K chết năm 1988 đến nay đã 35 năm, không để lại di chúc, di sản chưa chia, nay nguyên đơn khởi kiện phân chia di sản là tài sản chung của cụ K để lại cho những người được hưởng theo giá trị là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung của cụ K là ½ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, diện tích 168,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 549532 do UBND thành phố B cấp ngày 01/10/2007, trị giá 1.358.000.000 đồng.

Những người được hưởng gồm 09 người: Cụ Lữ Ngọc L, Trịnh Khôn M, Trịnh Hồng C, Trịnh Hồng L, Trịnh Cường S, Trịnh Lai H, Trịnh Cường T, Trịnh Cường H, Trịnh Tuyết V (phần của anh Trịnh Cường H, do anh H đã Chết nên vợ là Hồ Thị C, 02 con là Trịnh Quốc T và Trịnh Vương L được hưởng phần của anh H).

Được chia bằng tiền cụ thể 1.358.000.000 đồng/09 = 150.888.888 (làm tròn 150.888.000 đồng). Mỗi người được hưởng giá trị bằng tiền là 150.888.000 đồng.

Xét thấy ½ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, diện tích 168,5m^2, nếu chia bằng hiện vật thì không đủ điều kiện tách thành 01 thửa đất độc lập. Hiện quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất cụ L đang sinh sống, quản lý, tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của người liên quan thống nhất giao tài sản chung là hiện vật của cụ K cho cụ L quản lý, sử dụng và cụ L có trách nhiệm trả lại phần giá trị bằng tiền cho những người được hưởng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Giao cho cụ L được quyền quản lý, sở hữu ½ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, diện tích 168,5m^2 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Cụ L có trách nhiệm trả cho Trịnh Khôn M, Trịnh Hồng C, Trịnh Hồng L, Trịnh Cường S, Trịnh Lai H, Trịnh Cường T, Trịnh Tuyết V mỗi người với số tiền là

150.888.000 đồng và bà Hồ Thị C, anh Trịnh Quốc T, chị Trịnh Vương L số tiền 150.888.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cụ L có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 549532 do UBND thành phố B cấp ngày 01/10/2007 và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

[4]. Về công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận không có công sức tôn tạo, làm thêm, tạo ra giá trị tăng thêm cho Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và không yêu cầu xem xét công sức, quản lý, tôn tạo tài sản chung là phù hợp với quyền tự định đoạt của các đương sự, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà M tự nguyện chịu chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản đã nộp và chi phí xong.

[6]. Về án phí: Bà Trịnh Khôn M, bà Trịnh Hồng C, bà Trịnh Hồng L, ông Trịnh Cường S, bà Trịnh Lai H, ông Trịnh Cường T, bà Trịnh Tuyết V và bà Hồ Thị C mỗi người phải nộp 150.888.000 đồng x 5% = 7.544.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần giá trị tài sản được hưởng.

Nguyên đơn bà Trịnh Khôi M, sinh năm 1959, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên quan cụ Lữ Ngọc L, sinh năm 1932 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 164, Điều 165, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 631, Điều 632, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 645, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 677, Điều 685 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Khôi M.

Về tài sản chung của cụ Trịnh Mộc K là ½ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, diện tích 168,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 549532 do UBND thành phố B cấp ngày 01/10/2007, trị giá 1.358.000.000 đồng.

Những người được hưởng gồm 09 người: Cụ Lữ Ngọc L, Trịnh Khôi M, Trịnh Hồng C, Trịnh Hồng L, Trịnh Cường S, Trịnh Lai H, Trịnh Cường T, Trịnh Cường H, Trịnh Tuyết V (phần của anh Trịnh Cường H, do anh H đã Chết nên vợ là Hồ Thị C, 02 con là Trịnh Quốc T và Trịnh Vương L được hưởng phần của anh H).

Được chia bằng tiền cụ thể 1.358.000.000 đồng/09 = 150.888.888 (làm tròn 150.888.000 đồng). Mỗi người được hưởng giá trị bằng tiền là 150.888.000 đồng.

Giao cho cụ Lữ Ngọc L được quyền quản lý, sở hữu ½ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 08, diện tích 168,5m^2 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Cụ Lữ Ngọc L có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Khôi M, bà Trịnh Hồng C, bà Trịnh Hồng L, ông Trịnh Cường S, bà Trịnh Lai H, ông Trịnh Cường T, bà Trịnh Tuyết V mỗi người với số tiền là 150.888.000 đồng và bà Hồ Thị C, anh Trịnh Quốc T, chị Trịnh Vương L số tiền 150.888.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cụ Lữ Ngọc L có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 549532 do UBND thành phố B cấp ngày 01/10/2007 và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Trịnh Khôi M tự nguyện chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản đã nộp và chi phí xong.

Về án phí: Bà Trịnh Khôn M, bà Trịnh Hồng C, bà Trịnh Hồng L, ông Trịnh Cường S, bà Trịnh Lai H, ông Trịnh Cường T, bà Trịnh Tuyết V và bà Hồ Thị C mỗi người phải nộp 7.544.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho bà Trịnh Khôi M và cụ Lữ Ngọc L.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kề từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS +VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh